

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10/01/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Niên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Công Dung.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ Q, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 và tại bản tự khai vào các ngày 22/11/2017, 05/12/2017, biên bản hòa giải vào các ngày 05/12/2017, 15/12/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ Q

trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2016. Sau khi kết hôn, chị sống chung với gia đình bên chồng được 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị bỏ về nhà mẹ tại xã T sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chung sống, do tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, anh T có biểu hiện nghi ngờ tình cảm của chị, tỏ ra ghen tuông. Anh T còn có những lời nói xúc phạm đến chị và gia đình chị. Hiện nay chị và anh T đã không sống chung hơn một năm nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2016. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, vì từ lúc sinh ra cho đến nay cháu đều sống với chị. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/12/2017 và biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2017, biên bản hòa giải vào các ngày 05/12/2017, 15/12/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Q kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị Q không có chứng kiến, nghe lời gia đình bên vợ làm mâu thuẫn giữa vợ chồng thêm trầm trọng. Vì hiện nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn và thực tế vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung như chị Q đã trình bày. Sau khi ly hôn thì anh thống nhất giao con cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tuy nhiên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Q không cho anh thăm nom con và với thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng anh còn phải nuôi dưỡng cha mẹ đã hết tuổi lao động.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ

Q và anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị Q và anh T đều không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 13/9/2016. Việc kết hôn giữa chị Q và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương cũng như qua lời trình bày của chị Q thì chị Q chủ yếu sinh sống với mẹ ruột tại xã T, huyện T còn anh T sống tại xã T, huyện T. Sau khi phát sinh mâu thuẫn giữa anh T chị Q không sống chung với nhau trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt thêm, không còn gắn bó. Và lại, anh T và chị Q đều cho rằng tính tình anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Xét thấy, hiện nay chị Q, anh T không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai vợ chồng cùng thuận tình ly hôn nên Tòa án cần phải công nhận việc thuận tình ly hôn của chị Q, anh T.

[2] Về con chung: Chị Q và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2016. Sau khi ly hôn, chị Q và anh T đều thống nhất giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng chị Q nên giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của các bên, đúng với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng tuy nhiên anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Anh T cho rằng hiện nay anh làm nghề nông mỗi tháng thu nhập được 5.000.000 đồng tuy nhiên, anh còn nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ đã hết tuổi lao động nên không thể cấp dưỡng nuôi con. Xét việc chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là chính đáng bởi theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Do vậy anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T cho rằng mình còn nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ đã hết tuổi lao động không thể cấp dưỡng nuôi con là không hợp lý vì cha mẹ anh T có tất cả 07 người con và đã trưởng thành, nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ là của 07 người con, chứ không phải riêng một mình anh T. Mức cấp dưỡng nuôi con chị Q yêu cầu là 1.000.000

đồng là phù hợp với mức sống tại địa phương cũng như phù hợp với điều kiện thực tế của anh T.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018546 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ Q đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Mỹ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2016 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị Trần Thị Mỹ Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng (hàng tháng), hàng tháng anh Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ Q phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0018546 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/01/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Niên